



Cơ quan: BỘ NÔNG
NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN, BỘ NÔNG
NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN
Thời gian ký: 07.02.2024
14:09:26+07:00

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số **532** /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày **07** tháng **02** năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình
Dự án Hồ chứa nước Bản Mòng giai đoạn 1, tỉnh Nghệ An**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thủy lợi; Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017, Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Quy hoạch; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước; Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số điều về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 06/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số

67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 về Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị Quyết số 135/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội, trong đó có nội dung đồng ý chủ trương chuyển mục đích sử dụng 1.132,22ha rừng để thực hiện Dự án Hồ chứa nước Bản Mông, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1248/QĐ-TTg ngày 26/10/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Hồ chứa nước Bản Mông giai đoạn 1, tỉnh Nghệ An; Quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 14/02/2023 phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Hồ Bản Mông giai đoạn 2 (Hệ thống kênh mương), tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 2943/QĐ-BTNMT ngày 24/11/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, dự án Hồ chứa nước Bản Mông, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT: Số 1478/QĐ-BNN-XD ngày 26/5/2009 phê duyệt dự án đầu tư; số 2479/QĐ-BNN-XD ngày 28/6/2017 phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư giai đoạn 1; số 3763/QĐ-BNN-XD ngày 20/9/2017 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung một số nội dung thiết kế cơ sở và phê duyệt điều chỉnh TKKT-DT Cụm công trình đầu mối; số 2464/QĐ-BNN-XD ngày 27/6/2019 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư giai đoạn 1, số 1967/QĐ-BNN-XD ngày 02/6/2020 phê duyệt điều chỉnh cơ cấu Tổng mức đầu tư giai đoạn 1, số 2420/QĐ-BNN-XD ngày 02/6/2021, số 4383/QĐ-BNN-XD ngày 25/10/2023 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung một số nội dung dự án đầu tư Dự án Hồ chứa nước Bản Mông giai đoạn 1, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Văn bản số 462/BC-CP ngày 05/10/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT thay mặt Chính phủ báo cáo Quốc Hội về tình hình thực hiện dự án và đề nghị xem xét, quyết định chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Hồ chứa nước Bản Mông, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hồ chứa nước Bản Mông, tỉnh Nghệ An số 6041/BC-BKHĐT ngày 31/7/2023 và ý kiến tại văn bản số 8056/BKHĐT-KTNN ngày 28/9/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1984/QĐ-UBND-NN ngày 08/5/2009 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt dự án: Quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư dự án Hợp phần bồi thường, GPMB, di dân, TĐC công trình thủy lợi, thủy điện Bản Mông, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 2936/QĐ-UBND ngày 12/7/2018 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư giai đoạn 1, Hợp phần đền

bù, di dân, tái định cư, giải phóng mặt bằng, Dự án Hồ chứa nước Bản Mòng, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Văn bản số 10041/UBND-NN ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh Nghệ An có ý kiến về dự án Hồ chứa nước Bản Mòng, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Văn bản số 11218/UBND-NN ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Nghệ An ý kiến về hồ sơ điều chỉnh, bổ sung Hợp phần đền bù, di dân tái định cư (trên địa bàn tỉnh Nghệ An) thuộc dự án Hồ chứa nước Bản Mòng giai đoạn 1, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Văn bản số 16685/UBND-NN ngày 03/11/2023 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc nội dung, kinh phí của Hợp phần bồi thường, hỗ trợ tái định cư trên địa bàn huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án Hồ chứa nước Bản Mòng giai đoạn 1, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất của các loại đất đã được phân bổ tại Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh;

Căn cứ các Quyết định số 63/QĐ-UBND; số 64/QĐ-UBND; số 65/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND tỉnh Nghệ An về việc điều chỉnh vị trí, ranh giới, địa điểm công trình, dự án trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Quỳnh Châu, Nghĩa Đàn, Quỳnh Hợp;

Theo Tờ trình số 404/TTr-BQLĐT-QLTC-KHĐT ngày 30/12/2023 của Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Thủy lợi 4 và hồ sơ kèm theo trình Bộ xin phê duyệt điều chỉnh Báo cáo NCKT đầu tư xây dựng dự án Hồ chứa nước Bản Mòng, giai đoạn 1, tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình tại Báo cáo thẩm định số 146/BC-XD-TĐ ngày 07/02/2024 và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh một số nội dung dự án đầu tư Hồ chứa nước Bản Mòng giai đoạn 1, tỉnh Nghệ An đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh tại các Quyết định số 1478/QĐ-BNN-XD ngày 26/5/2009, số 2749/QĐ-BNN-XD ngày 28/6/2017, số 3763/QĐ-BNN-XD ngày 20/9/2017, số 2420/QĐ-BNN-XD ngày 02/6/2021 và số 4383/QĐ-BNN-XD ngày 25/10/2023 với một số nội dung chủ yếu sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung Khoản 5 Điều 1 Quyết định 1478/QĐ-BNN-XD ngày 26/5/2009 - Mục tiêu, nhiệm vụ của dự án

- Cấp nước tưới cho 18.858ha ven sông Hiếu, trong đó tưới tự chảy 4.551ha, còn lại tưới động lực; cấp nước cho sông Cả về mùa kiệt khoảng 22 m³/s.

- Kết hợp phát điện theo tuổi với công suất lắp máy 45MW.
- Tạo nguồn cấp nước cho công nghiệp dân sinh và chăn nuôi; nuôi trồng thủy sản và cải tạo môi trường;
- Kết hợp giảm một phần lũ cho hạ du sông Hiếu

2. Điều chỉnh, bổ sung Khoản 3 Điều 1 Quyết định 2749/QĐ-BNN-XD ngày 28/6/2017 và Khoản 1 Điều 1 Quyết định 3763/QĐ-BNN-XD ngày 20/9/2017 - Giải pháp kỹ thuật

a) Đập phụ

Xử lý chống thấm nền đập: không đào chân khay, chiều sâu màng khoan phụt chống thấm (8,1÷26,4)m;

b) Tràn xả lũ

Kênh xả hạ lưu: Gia cố mái kênh đoạn tiếp giáp tường chắn số 3, 4 (mái đất đắp) bằng khối chặn bằng BT M150 đổ tại chỗ, từ chân mái đến cơ ở cao trình +48,3m; từ cơ (+48,3m) trở lên gia cố bằng tấm BTCT đổ tại chỗ trên nền đất đắp, mái 1:1,5; Đoạn cuối kênh (mái đào bằng đất) gia cố bằng bê tông đúc sẵn 3D hình lục giác tự chèn trong khung dầm BTCT; nền là đá gia cố bằng tấm BTCT;

c) Công trình lấy nước:

- Chiều dài đường ống thép sau cống lấy nước 947m;
- Số lượng trụ loại 1: 25 trụ, kích thước móng trụ (4,4x2,5)m; trụ loại 2: 44 trụ; kích thước móng trụ (4,4x2,5)m;
- Trạm bơm (lấy nước từ mực nước +71,0m đến mực nước chết +65,0m cấp vào đường ống sau cống lấy nước): Đường kính van một chiều D=1,8m;

3. Điều chỉnh, bổ sung Khoản 4, Điều 1 Quyết định 2749/QĐ-BNN-XD ngày 28/6/2017; Khoản 2, Điều 1 Quyết định số 3763/QĐ-BNN-XD ngày 20/9/2017- Đường thi công kết hợp quản lý công trình đầu mối

- Đường số 1, số 1b: Nâng cấp theo tuyến đường hiện trạng với kết cấu: (i) mặt đường: Làm sạch, sửa chữa lỗi lõm, vá ổ gà, bù vênh mặt làm phẳng (đối với một số vị trí kết cấu mặt đường bị hư hỏng sẽ được làm mới), tạo độ dốc ngang mặt đường và làm mới kết cấu mặt; (ii) Lề đường: Làm sạch, sửa chữa lỗi lõm, vá ổ gà, bù vênh mặt làm phẳng, tạo dốc ngang 4%; (iii) Đào sửa mái các phạm vi sạt trượt và gia cố bảo vệ.

- Đường nối từ đập chính sang đập phụ: Chỉ tiêu đắp nền đường $\gamma_{\text{tk}} \geq 1,64\text{T/m}^3$, $K \geq 0,97$, hệ số thấm $K \leq 5 \times 10^{-6} \text{ cm/s}$;

- Đường vào nhà van cân: Điều chỉnh đắp nâng đường số 1 từ K1+528 đến K1+815,5 (độ dốc lớn nhất 9%), đỉnh dốc +69,68m, độ chặt $K \geq 0,98$. Kết cấu mặt

đường gồm: Lớp BTN hạt nhỏ 15AI dày 5cm; Tưới lớp bảm dính mặt đường bằng MC 250 (0,05 lít/m²); Lớp BTN hạt trung 25AII dày 7cm; Tưới lớp bảm dính mặt đường bằng MC 250 (1 lít/m²); Lớp CP đá dăm loại 1 dày 15cm; Lớp CP đá dăm loại 2 dày 25cm;

- Bổ sung ngầm và đường hai đầu ngầm: Tổng chiều dài 599,0m, nền đường rộng 5,0m, mặt đường rộng 4,0m rải đá dăm dày 15cm; ngầm dài 40,0m, gồm 15 hàng ống cống BTCT đúc sẵn Ø1,5m đặt trên lớp đá dăm dày 30cm;

- Bổ sung đường thi công số 2C nối từ đường 2B để xử lý nút vai trái hố móng đến cao trình +76,00m, chiều dài 182m, bề rộng mặt đường 5,5m, bề rộng nền đường 7,0m, mặt đường rải đá dăm dày 15 cm.

4. Điều chỉnh, bổ sung Khoản 5, Điều 1 Quyết định 2749/QĐ-BNN-XD ngày 28/6/2017, Khoản 3 Điều 1 Quyết định 3763/QĐ-BNN-XD ngày 20/9/2017

- Khu quản lý:

- Nâng cấp nhà quản lý thành nhà quản lý trung tâm: Tổng diện tích sàn 789m², gồm 2 tầng. Diện tích khuôn viên 3.000m²; xây dựng cổng chào, hàng rào bảo vệ, bến thuyền, chỉnh trang mặt bằng công trường;

- Bổ sung Nhà điều hành cụm công trình đầu mối: Tổng diện tích sàn 845m², gồm 2 tầng;

- Bổ sung Bến thuyền, gồm tuyến đường dài 171,43m (theo hiện trạng nối tiếp từ đường thi công số 4 lên mặt bằng công trường số 3 và một phần đường thi công số 4) và bến neo đậu.

(Thông số kỹ thuật điều chỉnh chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

5. Điều chỉnh Khoản 6, Điều 1 Quyết định 2749/QĐ-BNN-XD ngày 28/6/2017 - Khối lượng chính:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng		
			Đầu mối	Trạm bơm	Tổng cộng
1	Đất đào	m ³	1.817.700	464.160	2.281.860
2	Đá đào	m ³	3.098.989	7.300	3.106.289
3	Đất đắp	m ³	1.231.100	252.869	1.483.969
4	Đá các loại	m ³	139.400	5.503	144.903
5	Bê tông các loại	m ³	280.00	44.064	324.064
6	Thép các loại	tấn	16.591	1.804	18.395

6. Điều chỉnh, bổ sung Khoản 7 Điều 1 Quyết định 2749/QĐ-BNN-XD ngày 28/6/2017 và Khoản 4, Điều 1 Quyết định số 3763/QĐ-BNN-XD ngày 20/9/2017 - Cơ khí và điện đầu mối

a) Hệ thống điện

- Điện phục vụ vận hành: Đường dây 35kV đến các trạm biến áp (cấp điện vận hành sau khi di dời về đỉnh đập) bằng cáp ngầm, dài 0,17km và thay thế 03 cột điện.

- Bổ sung máy phát điện dự phòng 3 pha, công suất $S=400\text{kVA}$ - $U=380/220\text{V}$ - $f=50\text{ Hz}$;

b) Hệ thống quan trắc, giám sát, điều khiển:

- Hệ thống quan trắc các hạng mục công trình đầu mối: Bổ sung thêm 02 thiết bị đo lún nghiêng đập phụ và 03 mốc chuẩn (mốc cơ sở);

- Hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn phục vụ cho quá trình thi công và quản lý vận hành

+ Điều chỉnh bộ thu thập dữ liệu tự động và phần mềm điều khiển;

+ Lắp đặt 12 trạm đo mưa (09 trạm lưu vực, 03 trạm hạ du); 02 trạm đo mực nước kết hợp đo mưa để quan trắc tự động lượng mưa, mực nước đến hồ truyền số liệu về trung tâm phục vụ công tác vận hành hồ chứa

+ Lắp đặt 02 trạm Camera giám sát ngoài trời loại PTZ IP quay quét 360 độ kết nối với thiết bị truyền thông để truyền dữ liệu về màn hình trung tâm

+ Tại các vị trí cống lấy nước, tràn xả lũ, cống xả sâu, nhà máy thủy điện lắp đặt các trạm giám sát độ mở được kết nối với bộ điều khiển PLC giám sát và truyền cơ sở dữ liệu về máy chủ qua mạng di động

+ Lắp đặt 01 trạm thông tin tại Nhà quản lý trung tâm để tiếp nhận, xử lý số liệu quan trắc, hiển thị thông tin, thông qua bộ phần mềm được xây dựng trên công nghệ WebGis để vận hành hồ chứa theo thời gian thực

7. Các trạm bơm lấy nước từ sông Hiếu

Trong điều kiện biến đổi khí hậu, để đảm bảo các trạm bơm hoạt động định ổn định cần tiến hành rà soát đánh giá, bổ sung xử lý cửa lấy nước (nếu cần).

8. Điều chỉnh: Khoản 9, Điều 1 Quyết định số 1478/QĐ-BNN-XD ngày 26/5/2009 - Diện tích đất sử dụng; Khoản 8, Điều 1 Quyết định số 2749/QĐ-BNN-XD ngày 28/6/2017 - Công tác đền bù giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư

- Phạm vi giải phóng mặt bằng, gồm: Mặt bằng xây dựng cụm công trình đầu mối, 08 trạm bơm sông Hiếu và hệ thống kênh sau trạm bơm, lòng hồ, khu Châu Bình, khu tái định cư, khu tái định canh,... tổng cộng khoảng 4020,2ha.

Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cụ thể như sau:

a) Diện tích từng loại đất thu hồi: Tổng diện tích đất thu hồi 4020,2ha (Nghệ An: 3005,93ha; Thanh Hóa: 1014,27ha), trong đó: Đất sản xuất nông nghiệp: 1192,8ha; Đất Lâm nghiệp: 2.109,2ha (Nghệ An: 1522,7ha; Thanh Hóa: 586,5ha); Đất nuôi trồng thủy sản 25,32ha; Đất phi nông nghiệp 725,33ha; Đất chưa sử dụng: 80,3 ha.

Tiến độ thu hồi:

- Đợt 1: diện tích thu hồi 3721,56ha, trong đó: (i) Địa bàn tỉnh Nghệ An: 3005,93ha; (ii) Địa bàn tỉnh Thanh Hóa: 715,63ha.

- Đợt 2: diện tích thu hồi 298,64ha thuộc lòng hồ địa bàn tỉnh Thanh Hóa (Chỉ được thu hồi khi UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt điều chỉnh đủ chỉ tiêu đất thủy lợi dành cho Dự án).

b) Diện tích rừng phải chuyển đổi sang diện tích khác (Nghị quyết số 135/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội): 544,77ha (giai đoạn 1 là 523,79ha; giai đoạn 2 (hệ thống kênh) là 20,98ha rừng trồng), gồm: Rừng tự nhiên: 130,25ha; rừng trồng 414,52ha;

c) Số hộ phải di dời: 474 hộ (Nghệ An: 355 hộ, Thanh Hóa 119 hộ), trong đó số hộ vào khu tái định cư 216 hộ (Nghệ An 97 hộ, Thanh Hóa 119 hộ).

d) Khu tái định cư, tái định canh: 03 khu tái định cư (Nghệ An 02 khu; Thanh Hóa 01 khu), Bổ sung 05 khu tái định canh tại Nghệ An.

e) Điều chỉnh các hạng mục: Xử lý sạt kênh tiêu Châu Bình; Bổ sung khảo sát bình đồ dải viền cao trình +76,4m; Xử lý ngập hạ lưu đập phụ III trên cao trình 68,2m; Các khu tái định cư xen kẹp trên địa bàn huyện Quỳnh Châu; Hệ thống thoát nước và san nền hạ lưu đập phụ I;

f) Bổ sung các hạng mục mới: Xử lý ngập đuôi kênh tiêu Châu Bình; Hoàn trả đường dân sinh; Thiết bị văn phòng và các công trình phụ trợ của nhà quản lý vận hành Đập phụ I; Di dời các hộ bị cô lập trên cao trình +76,4 m; Giải phóng mặt bằng các hạng mục bổ sung mới.

h) Tiến độ và kế hoạch di chuyển, bàn giao mặt bằng cho dự án:

- Giai đoạn 1 (đến cao trình +71,86m) trước ngày 30/10/2024 (sau lũ chính vụ năm 2024) để phục vụ chặn dòng thi công bê tông ngưỡng tràn từ cao trình +55,00m đến +63,60m;

- Giai đoạn 2 (từ cao trình +71,86m đến +76,40m) trước ngày 31/7/2025 để đảm bảo an toàn trong mùa lũ chính vụ năm 2025 khi hồ bắt đầu tích nước.

9. Điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 4383/QĐ-BNN-XD ngày 25/10/2023

- Tổng mức đầu tư

- Tổng mức đầu tư giai đoạn 1 là: 5.552.000 triệu đồng.
- Cơ cấu tổng mức đầu tư:
 - + Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư 3.052.571 triệu đồng (gồm cả dự phòng):
 - + Chi phí xây dựng: 1.765.700 triệu đồng
 - + Chi phí thiết bị: 345.419 triệu đồng
 - + Chi phí quản lý dự án: 25.542 triệu đồng
 - + Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 211.611 triệu đồng
 - + Chi phí khác: 61.332 triệu đồng
 - + Chi phí dự phòng: 89.825 triệu đồng

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

10. Điều chỉnh điểm 9.2 khoản 9 Điều 1 Quyết định số 2749/QĐ-BNN-XD ngày 28/6/2017:

Vốn Ngân sách Nhà nước do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý: 5.552.000 triệu đồng.

11. Điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 4383/QĐ-BNN-XD ngày 25/10/2023:

Vốn Ngân sách Nhà nước do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý: 5.552.000 triệu đồng.

12. Điều chỉnh Khoản 2, Điều 1 Quyết định số 1967/QĐ-BNN-XD ngày 02/6/2020 - Thời gian thực hiện dự án

Thời gian thực hiện dự án đến năm 2025.

13. Những vấn đề lưu ý

- Quyết định này chỉ phê duyệt các nội dung công việc trong nguồn vốn nhà nước giao cho Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý. Hợp phần thủy điện sẽ được trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và phê duyệt riêng;

- Rà soát cửa vào 08 trạm bơm lấy nước Sông Hiếu trong điều kiện biến đổi khí hậu;

- Thời gian hoàn thành dự án (31/12/2025) trên cơ sở nguồn vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 được đáp ứng đủ.

14. Điều chỉnh, bổ sung Khoản 10, Điều 1 Quyết định 2749/QĐ-BNN-XD ngày 28/6/2017 và khoản 15 Điều 2 Quyết định số 3763/QĐ-BNN-XD ngày 20/9/2017 - Tổ chức thực hiện:

a) UBND tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa:

- Thực hiện theo phân giao của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1248/QĐ-TTg ngày 26/10/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Hồ chứa nước Bản Mông giai đoạn 1, tỉnh Nghệ An (bao gồm cả phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các hạng mục công việc có liên quan, thu dọn lòng hồ...);

- Chỉ đạo các Sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hàng năm phù hợp với tiến độ thực hiện Dự án;

- Chỉ đạo các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan: Phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 4 lập kế hoạch, tiến độ chi tiết và triển khai công tác đền bù, hỗ trợ tái định cư phù hợp với tiến độ xây dựng công trình.

b) Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 4:

- Thực hiện trách nhiệm Chủ đầu tư Hợp phần xây lắp theo quy định, đảm bảo hoàn thành dự án giai đoạn 1 theo thời gian được phê duyệt;

- Phối hợp chặt chẽ với các Chủ đầu tư Hợp phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong quá trình triển khai. Chủ trì, tổng hợp tiến độ triển khai toàn dự án gửi về Bộ để giám sát;

- Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt giá trị kinh phí nhà đầu tư thủy điện phải đóng góp vào Ngân sách nhà nước.

c) Nhà đầu tư thủy điện: (*Tổng Công ty Cơ điện xây dựng - CTCP*)

- Chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh, triển khai thực hiện và thanh quyết toán Hợp phần thủy điện theo quy định; gửi kết quả về Bộ Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, giám sát;

- Chịu trách nhiệm đóng góp kinh phí vào Ngân sách nhà nước do kết hợp đầu tư thủy điện tại hồ Bản Mông. Giá trị đóng góp và hình thức đóng góp sẽ do cấp có thẩm quyền phê duyệt sau bằng một quyết định riêng. Thanh toán chi phí sử dụng nước và dịch vụ thủy lợi theo quy định của Luật Thủy lợi và các quy định của Chính phủ,...; có trách nhiệm xây dựng quy trình vận hành nhà máy thủy điện phù hợp với quy trình vận hành công trình thủy lợi, không ảnh hưởng đến nhiệm vụ của công trình thủy lợi và an toàn đập;

- Chủ động, phối hợp với các đơn vị của Bộ trong quá trình lập hồ sơ về Hợp phần này và quá trình báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Quyết định số 1478/QĐ-BNN-XD ngày 26/5/2009, số 2749/QĐ-BNN-XD ngày 28/6/2017, số 3763/QĐ-BNN-XD ngày 20/9/2017; số 2420/QĐ-BNN-XD ngày 02/6/2021 và số

4383/QĐ-BNN-XD ngày 25/10/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh dự án Hồ chứa nước Bản Mông giai đoạn 1, tỉnh Nghệ An. Các nội dung khác không thay đổi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Chủ tịch UBND các tỉnh Nghệ An, Thanh Hoá; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nghệ An, Chủ tịch UBND huyện Quỳnh Châu; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 4 và Thủ trưởng các đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT; TC;
- Kho bạc NN TW;
- Kho bạc NN tỉnh Nghệ An;
- Kho bạc NN tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu: VT, XD.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp